

THÁI ĐỘ CỦA VƯƠNG TRIỀU MINH ĐỐI VỚI VƯƠNG TRIỀU MẠC ĐẦU THẾ KỶ XVI

TỔNG VĂN LỢI*

Tóm tắt: Nắm được thông tin nhà Mạc đã thay thế nhà Lê, vua Minh Thế Tông đã sai bộ Lễ và bộ Binh chủ trì về tình hình Đại Việt. Trong nội bộ triều Minh hình thành hai khuynh hướng là can thiệp và không can thiệp vào tình hình Đại Việt. Nhóm chủ trương can thiệp vào Đại Việt bằng quân sự là quan lại cấp cao trong triều đình, thực chất là tái xâm lược Đại Việt. Nhóm chủ trương không can thiệp vào Đại Việt là quan chức địa phương gần biên giới Đại Việt. Trong quá trình bàn thảo, nhiều quan chức cấp cao của phái chủ chiến dần thay đổi thái độ từ can thiệp sang không can thiệp. Trước tình hình đó, Mạc Đăng Dung và triều Mạc đã từng bước thi hành các biện pháp vừa mềm dẻo, vừa nguyên tắc để tránh được một cuộc chiến tranh Đại Minh-Đại Việt.

Từ khóa: Vương triều Mạc, triều Minh

Abstract: Upon learning that the Mạc had replaced the Lê, two opposing tendencies emerged within the Ming court: one advocating military intervention in Đại Việt and one opposing such involvement. The group supporting intervention consisted of high-ranking central officials, while those objecting to intervention were local officials stationed near the Đại Việt border. In response to this situation, the Mạc dynasty gradually implemented measures that were both flexible and principled in order to avoid a Ming-Đại Việt military conflict.

Keyword: The Mạc Dynasty, The Ming Dynasty

Ngày nhận bài: 7/5/2025; Ngày duyệt đăng: 10/10/2025

1. Mở đầu

Năm 1513, trong quan hệ ngoại giao giữa Đại Minh và Đại Việt, sứ bộ nhà Minh do Trạng Nhượng Thủy, Phan Hy Tăng sang sách phong vua Lê Tương Dực làm An Nam Quốc vương. Đáp lại lễ phong vương của nhà Minh, tháng 2 năm Quý Dậu (1513), sứ bộ Đại Việt do Nguyễn Trang, Nguyễn Sư/Nguyễn Sư Truyền, Trương Phu Duyệt sang nhà Minh tạ ơn sách phong và ban mũ áo. Tháng 10 cùng năm, sứ bộ thứ hai do Nguyễn Trọng Quý, Hứa Tam Tỉnh, Nguyễn Quý Nhã sang tước cống nhà Minh (1). Sứ bộ Nguyễn Trọng Quý đến Bắc Kinh vào năm 1515 (2).

Tháng 8 năm Chính Đức thứ 16 (1521) niên hiệu vua Minh Vũ Tông, vua Minh Thế Tông cử Biên tu Tôn Thừa Ân làm chánh sứ sang Đại Việt để thông báo việc lên ngôi của mình (3). Tháng 3 năm Gia

Tĩnh thứ 2 (1523), sứ bộ Tôn Thừa Ân đến Long Châu (Quảng Tây) nhưng không sang được vì ở Đại Việt đang xảy ra những biến động chính trị lớn. Tôn Thừa Ân dâng sớ lên Minh Thế Tông cùng với báo cáo của Tổng đốc Lương Quảng là Đô ngự sử Trương Đĩnh. Để hiểu rõ hơn, Thế Tông lệnh cho các quan trấn, tuần ở sát Đại Việt phải nhanh chóng thu thập tin tức về Đại Việt. Ngày 28 tháng Chạp năm Gia Tĩnh thứ 3 (1524), Tuần án Quảng Tây là Ngự sử Uông Uyên báo cáo thông tin đã thu thập được (4). Qua báo cáo của Uông Uyên, vua Minh nắm được thông tin triều Lê đang rối loạn. Từ những thông tin này, trong triều đình nhà Minh bắt đầu thảo luận về vấn đề có hay không can thiệp vào nội tình Đại Việt. Cuộc thảo luận này cùng với chủ trương của Minh Thế Tông sẽ quyết định nhận thức và thái độ của triều Minh đến

* TS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội

Mạc Đăng Dung nói riêng và vương triều Mạc nói chung. Tuy nhiên, cũng phải đến năm 1536 Đại Việt mới thực sự trở thành vấn đề được bàn luận nhiều trong hoạt động nghị sự của triều Minh, bởi từ sau báo cáo của Ông Uyên thì nhà Minh không nhận được thêm bất cứ thông tin nào về tình hình Đại Việt và vương triều Mạc.

Năm 1536, hoàng tử Chu Tài Duệ sinh - là một việc vui mừng nên Minh Thế Tông muốn cử sứ bộ sang Đại Việt và Triều Tiên. Tuy nhiên, bộ Lễ cho rằng Đại Việt từ năm Chính Đức 10 (1515) đến năm Gia Tĩnh 15 (1536) đã 21 năm không có cống sứ... và căn cứ theo phép xưa thì phải cử quân sang hỏi tội" (5). Trong quan hệ giữa nhà Minh và các nước lân bang thì nhà Minh là "thiên triều", các nước khác là "chư hầu". "Chư hầu" nhận tước phong từ "thiên triều" Đại Minh và triều cống theo quy định. Hoạt động "sách phong - triều cống" là thể thức của quan hệ "thiên triều - chư hầu" (6). Việc các nước "chư hầu" không triều cống là hoạt động làm tổn hại đến uy danh của "thiên triều". Hơn nữa, trong quan hệ sách phong - triều cống/thiên triều - chư hầu thì việc nhà Lê đã được nhà Minh công nhận là chính thống, nay Mạc Đăng Dung là bề tôi lên ngôi... mà Lễ bộ Thượng thư Nghiêm Tung, Binh bộ Thượng thư Trương Toàn tâu lên vua Minh. Đây là nguyên cớ để Minh Thế Tông cho rằng "An Nam chiếu sứ bất thông, lại từ lâu không đến cống,... hãy sai sứ đến ngay hỏi tội. Việc chinh thảo sai bộ Binh bàn định gấp rồi tâu lên" (7). Kể từ sự kiện này, vương triều Minh đã thể hiện các quan điểm khác nhau về vấn đề Đại Việt (8).

2. Phái chủ trương can thiệp bằng quân sự

Đại diện cho quan điểm can thiệp quân sự vào Đại Việt là Lễ bộ Thượng thư Hạ Ngôn, sau đó là Nghiêm Tung, Binh bộ Thượng thư Trương Toàn, Vũ định hầu

Quách Huân, Lại bộ Tả thị lang Ôn Nhân Hòa, Tri châu Khâm châu Lâm Hy Nguyên... Lập luận của Hạ Ngôn và Trương Toàn là Đại Việt loạn lạc, "không vào triều cống để tôn kính đạo vương chính; lại không đến báo biến để xin đem quân hỏi tội" (9). Xuất phát từ nhận thức "kẻ loạn thần tặc tử, ai ai cũng được giết" nên Hạ Ngôn và Trương Toàn chủ quan kiến nghị vua Minh lựa chọn trong hàng Chỉ huy Thiên bách hộ của Cẩm Y vệ lấy hai người can đảm, tài thao lược để sang Đại Việt đưa sắc chỉ "tra hỏi nguyên do nước ấy... đã lâu không vào nộp cống, điều tra đích xác sự tình". Đồng thời với phái bộ này thì "hạ lệnh tuyển chọn tướng sĩ, chuẩn bị quân lính, đợi tin báo thì phát binh tiến đánh" (10). Như vậy, chủ trương rõ ràng và nhất quán của thượng thư 2 bộ Lễ và Binh là can thiệp vào Đại Việt bằng quân sự. Cái cớ Đại Việt không triều cống là cơ sở để phái binh can thiệp. Ẩn giấu sau kế hoạch này âm mưu lợi dụng chiêu bài "hưng diệt kế tuyệt" để chiếm đất đai Đại Việt, sáp nhập vào lãnh thổ Trung Quốc của phe chủ trương can thiệp quân sự (11).

Kế hoạch chuẩn bị can thiệp quân sự vào Đại Việt được nhóm chủ chiến bàn thảo kỹ lưỡng. Theo đó, quân Minh sẽ theo hai đường từ châu Bằng Tường, phủ Tư Minh, tỉnh Quảng Tây và từ huyện Mông Tự phủ Lâm An tỉnh Vân Nam tiến vào Đại Việt. Quân tham gia chiến dịch là quân Hán (quân chính quy) và thổ quân (quân địa phương). Một cánh quân do Trấn thủ Lương Quảng Chinh man tướng quân Tổng binh An Viễn hầu họ Liễu, Tuần phủ Lương Quảng Đô ngự sử họ Tiêu chỉ huy. Cánh quân thứ hai do Trấn thủ Vân Nam Chinh man tướng quân Tổng binh Kiểm quốc công Mộc Thiệu Huân, Tuần phủ Vân Nam Đô ngự sử Hồ Huấn, Quý Châu ngự sử Ông San chỉ huy (12). Ngoài lực lượng chính quy do nhà Minh cử sang, những lực

lượng chống đối với nhà Mạc ở Đại Việt được tận dụng để gia tăng sức ép với Mạc Đăng Dung. Đó là thế lực của Vũ Nghiêm Uy, Vũ Văn Uyên, Vũ Tử Lăng (13). Theo lời bàn của phe chủ chiến, nếu họ Vũ quy phụ nhà Minh thì lập tức cho theo quân để chinh phạt họ Mạc (14). Vấn đề lương thực, phe chủ chiến đề xuất các địa phương chuẩn bị lương thảo cho lực lượng quân sự đủ dùng từ 1 đến 2 năm.

Trên cơ sở ý kiến của các quan đại thần trong triều, Minh Thế Tông chủ trương một mặt chuẩn bị sẵn sàng lực lượng quân sự, mặt khác tiếp tục thu thập thông tin. Tuy nhiên, các quan chức cấp cao trong triều đình theo chủ trương can thiệp vào Đại Việt mới chỉ ở mức thăm dò dự định của Minh Thế Tông. Tiếng nói quyết liệt nhất của phái can thiệp quân sự vào Đại Việt là Tri châu Khâm châu là Lâm Hy Nguyên. Lâm Hy Nguyên nắm rõ tình hình Đại Việt do làm quan ở khu vực gần biên giới Đại Việt. Về tình hình Đại Việt, Lâm Hy Nguyên không đồng ý với việc công nhận vị trí mới của Mạc Đăng Dung “thuyết phong cho An Nam là không phải”. Mặc dù không chấp nhận Mạc Đăng Dung nhưng Lâm Hy Nguyên cũng không ủng hộ việc để mặc An Nam hoặc ủng hộ họ Lê. Lâm Hy Nguyên thẳng thắn bày tỏ quan điểm can thiệp quân sự vào Đại Việt. Có 3 điều nên đánh, 2 điều nên lấy và 4 điều có thể lấy được Đại Việt theo lập luận của Lâm Hy Nguyên.

Ba điều nên đánh là: (1) Mạc Đăng Dung lên ngôi vua, lễ nghĩa và pháp luật đều không tha thứ được; (2) Các chư hầu khác coi việc Trung Quốc can thiệp quân sự vào Đại Việt là “để giữ lễ nghĩa và pháp độ làm khinh trọng”; (3) Đại Việt nhân lúc nhà Minh mới thành lập đã xâm lấn bốn động Như Tích, Thoát/Thiếp Lăng của Khâm châu.

Hai điều nên lấy là: (1) buộc Đại Việt phải đi vào quỹ đạo của Trung Quốc; (2)

Quan điểm của Lâm Hy Nguyên là không thừa nhận sự tồn tại độc lập của Đại Việt.

Bốn điều có thể lấy được là: (1) Đại Việt đang loạn lạc; (2) nhân tâm trong nước không biết theo họ Lê hay họ Mạc, vì vậy Lâm Hy Nguyên ảo tưởng cho rằng “đều xin quy phụ bản triều”-tức nhà Minh; (3) việc tranh giành ngôi vị ở Đại Việt tất yếu sẽ dẫn đến thế bại vong; (4) nếu nhà Minh cử quân sang Đại Việt thì nhân tâm Đại Việt sẽ đi theo hưởng ứng.

Lâm Hy Nguyên khẳng định “ngàn năm mới có một thời cơ như vậy”. Nếu thành công chinh phục Đại Việt thì “thịnh đức và đại nghiệp của bệ hạ [tức Minh Thế Tông-TVL] có thể làm rạng rỡ tổ tông, mà để phúc lại cho hậu thế muôn đời” (15).

Có thể thấy rằng, luận điểm của phái can thiệp vào Đại Việt là căn cứ vào lý do Đại Việt hơn 20 năm không vào triều cống. Sự kiện Mạc Đăng Dung lên ngôi là điều kiện để nhà Minh có thể can thiệp bằng quân sự nhằm đưa Đại Việt trở thành quỹ đạo của nhà Minh, từ đó thiết lập hệ thống cai trị của nhà Minh.

3. Phái chủ trương không can thiệp

Đại diện cho phái không can thiệp là Nam Kinh Hộ bộ Tả thị lang Đường Trụ, Đề đốc Lương Quảng quân vụ Bình bộ Tả thị lang Thái Kinh, Tuần án Quảng Đông Ngự sử Dư Quang, Tri phủ Liêm Châu Trương Nhạc... Người đầu tiên dâng sớ khuyên can vua Minh Thế Tông không nên đưa quân viễn chinh là Đường Trụ. Ngày 1 tháng 11 năm Gia Tĩnh thứ 15 (1536), Đường Trụ dâng sớ nêu 7 điều không thể xuất quân được, đó là:

- Không đánh Đại Việt đã được ghi trong tổ huấn của nhà Minh nên Minh Thế Tông phải tuân theo.

- Minh Thái Tông phải điều quân đánh Hồ Quý Ly, đem Đại Việt đặt thành quận huyện cho lệ thuộc vào nhà Minh nhưng cũng không giữ được lâu. Đến thời vua

Minh Tuyên Tông phải bãi binh, tuân theo lời tổ huấn của Minh Thái Tổ.

- Việc Đại Việt bị loạn lạc là thuận lợi của Trung Quốc,... vì thế Trung Quốc không phải lo lắng đến việc phòng thủ các vùng đất này. Hơn nữa, nếu cử quân đội sang đàn áp Mạc Đăng Dung thì không khác gì việc tự mình cử con dân của mình đi vào chỗ chết để làm cho Đại Việt ổn định.

- Liệu đánh Đại Việt có giành được thắng lợi không? Đường Trữ dẫn bài học Tống Thái Tông đánh Lê Hoàn, Tống Thần Tông đánh Lý “không nên công cán gì”... Bài học gần nhất với Minh Thế Tông là sự kiện Liễu Thăng đem 70.000 quân chưa đến nơi đã bị phục binh của Lê Lợi đánh chết... Nếu Minh Thế Tông cử quân sang, liệu có thắng lợi không? Nếu thắng lợi thì có giữ được Đại Việt không? Theo Đường Trữ “đánh lấy không được, chẳng những là vô ích mà thôi đâu”. Đó là điều không thể chinh phạt thứ tư.

- Không thể căn cứ vào việc Đại Việt bỏ không tiến cống mà cử binh xâm lấn vì “đương lúc có sự tranh loạn, vừa rồi họ [tức Đại Việt-TVL] còn dâng biểu, mang phương vật vào cống, vì Phủ, án cho là tính danh được phong chưa thỏa đáng mà át đi” (16).

- Binh lực và vật lực của Đại Minh hiện nay chưa đủ bởi một số địa phương dự định lấy binh, lương đều khó khăn hoặc đang bận rộn đàn áp các cuộc nổi dậy. Nguồn tài lực không đủ, “nhỡ có việc lớn cần chi dùng nhiều còn sợ không đủ. So với khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424), quân lương sao có thể sánh bằng”.

- Điều thứ bảy là Đại Minh dưới thời Minh Thế Tông đang có những điểm nóng bất an ở phía Bắc là các vùng Hà Sáo, từ Cáp Thích Thận đến Cáo Nang, Đại Đồng, Hôn Nguyên, Thiên Thành, Dương Hòa, Thiên Quan, Sóc Châu...

Ngoài 7 điều không thể chinh phạt Đại Việt nêu trên, điều Đường Trữ lo lắng hơn

cả chính là nội bộ triều đình nhà Minh. Lợi dụng việc xuất quân, “bọn gian hùng nhân dịp ấy để kiếm lợi, mượn việc giấy tờ mà làm sai khiến chuyện riêng, nhân sai phái mà tha hồ bóc lột. Cái hại quấy nhiễu không thể kể xiết” (17).

Đồng quan điểm với Đường Trữ nhưng ý kiến của Ngự sử Du Quang là gương thanh thế cộng với phủ dụ để Đại Việt quay trở lại quỹ đạo sách phong - triều cống/thiên triều - chư hầu. Kế hoạch của Du Quang là:

Thứ nhất, cử sứ thần sang Đại Việt để phủ dụ Mạc Đăng Dung bởi theo Du Quang thì việc đặt quan lại, quận huyện ở Đại Việt “là không thuận tiện. Chẳng bằng trách họ việc triều cống... có thể không nhọc quân sĩ” (18).

Thứ hai, chuẩn bị sẵn binh lực, lương thực ở 4 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu. Kỳ binh 10 vạn, lương thực đủ dùng từ 1 đến 2 năm. Quân đội tiến vào Đại Việt theo 3 đường: đạo quân Lương Quảng từ Long Châu qua Phân Mao để tiến vào phía Bắc Đại Việt; quân Vân Nam theo sông Nguyên Giang tiến qua Lão Qua để đánh vào phía Nam Đại Việt; thủy quân Mân - Quảng theo đường biển tiến thẳng vào trung tâm Đại Việt. Trong quá trình tiến quân phải tranh thủ dụ hàng các lực lượng ở Đại Việt quy hàng nhà Minh để làm tiền khu. Nếu theo kế hoạch này thì các lực lượng chính trị ở Đại Việt mà chống đối nhà Minh “sẽ không tự cứu mình được, ta không đánh mà họ tự hàng phục” (19).

Quan điểm của Du Quang xuất phát từ mối nguy ở biên giới phía Bắc. Theo đó, vùng phía Bắc đang rối loạn bởi sự kiện Cáo Nang, và đây là mối nguy hại nhất đối với nhà Minh. Nếu dẹp yên được Cáo Nang, ổn định biên giới phía Bắc, “sau đó tuyên dương uy thanh, đưa truyền tờ hịch, xuống chiếu dụ bảo Giao Chỉ các việc triều cống và quận ấp, điều gì mà chẳng nghe theo” (20). Sau khi Du Quang được điều đến

Quảng Đông giữ chức Tuần án, “hàng ngày nghe sự tình nước An Nam cùng với lúc trước ở kinh không giống nhau” (21) nên càng kiên trì chủ trương không can thiệp vào Đại Việt. Du Quang cho rằng “nếu bắt buộc phải chinh phạt tiểu trừ, thì tình thế khó duỗi đến cùng, quân mã khó ở được lâu. Quân ở lâu ngày dễ sinh biến, chưa thấy có điều thuận tiện. Vả lại, cuối cùng họ lại vào châu thì quân cũng phải trở về thôi. Thế thì chỉ hao tâm tổn phí, nhọc thêm binh lực” (22).

Chủ trương không can thiệp là căn cứ vào bài học Đại Việt luôn luôn nổi dậy phản kháng để tách khỏi sự kiểm soát của Trung Quốc. Việc điều động một lực lượng quân sự, đồng thời với nó là tiêu tốn tài chính rất lớn nhưng không giải quyết được việc gì. Mục đích và kế hoạch của phái không can thiệp vào nội tình Đại Việt là xử lý Mạc Đăng Dung bằng chiêu dụ để tiếp tục nộp cống như cũ.

4. Thái độ của Minh Thế Tông

Mặc dù Đại Việt không triều cống từ năm 1515, đến năm 1524 thì nhận được đầy đủ thông tin loạn lạc ở Đại Việt nhưng phải đến năm 1536, Minh Thế Tông mới quay trở lại vấn đề Đại Việt. Lý giải vấn đề này, Trịnh Vĩnh Thường cho rằng Minh Thế Tông “thờ ơ” với Đại Việt. Thực tế không phải như vậy. Minh Thế Tông khi mới lên ngôi phải ổn định vị trí chính trị của mình trước các thân vương khác, đồng thời củng cố lực lượng bởi sự lấn quyền của nội các. Vì thế, Minh Thế Tông đã mất một thời gian dài để ổn định và tập trung quyền lực. Chính Trịnh Vĩnh Thường thừa nhận rằng “Minh Thế Tông là một vị hoàng đế từ Phiên vương thế tử vào kế ngôi đại thống, ngoài việc tranh quyền của các trọng thân trong nội các ra, có lẽ còn có ý nguyện trở thành một vị chúa tể anh hùng” (23).

Sau khi nhận được bản nghị từ bộ Lễ và bộ Binh, chủ trương của Minh Thế Tông là

can thiệp vào Đại Việt. Một mặt Minh Thế Tông sai phái quan lại ở biên giới thu thập tin tức, mặt khác tiếp tục nghị bàn vấn đề Đại Việt và tính chính thống của Mạc Đăng Dung. Thái độ ban đầu của Minh Thế Tông là quyết ý can thiệp nhưng cần phải bàn thảo kỹ lưỡng.

Tháng 2 năm 1537, sứ thần của Lê Trang Tông là Trịnh Duy Liêu đến Bắc Kinh dâng sớ tố cáo Mạc Đăng Dung. Tháng 4 cùng năm, bộ Lễ và bộ Binh cùng tấu nghị 10 tội lớn của Mạc Đăng Dung, không thể không thảo phạt. Điều này đã củng cố quyết tâm của Minh Thế Tông. Minh Thế Tông cho rằng “An Nam từ lâu không đến cống tại sân đình, theo phép đáng hỏi tội. Các quan tổng đốc suy cử tuyển chọn những người có tài năng để sử dụng, điều động binh lương thích hợp. Hai bộ Hộ và Binh bàn định cách xử trí rồi tâu lên. Tiếp theo, điều nguyên Hữu Thị lang Hình bộ Hồ Liên tại Nam Kinh làm Hữu Thị lang bộ Hộ; thăng nguyên Tuần phủ Giang Tây Hữu Phó Đô ngự sử Cao Công Thiệu làm Hữu Thị lang bộ Hộ. Cả hai đều kiêm chức Đô ngự sử Đô sát viện Tổng đốc lương hướng, Hồ Liên đặc trách Vân Quý, Công Thiệu đặc trách Lương Quảng. Đô đốc Thiêm sự Giang Hoàn được cử làm Tả Phó Tổng binh, Ngưu Hoàn sung Hữu Phó Tổng binh. Dương Đĩnh, Điền Mậu sung chức Tham tướng. Tôn Duy Vũ, Cao Nghị sung Hữu Tham tướng. Phan Thái, Tiêu Đĩnh, Thang Đĩnh, Trần Vĩ sung Du kích Tướng quân. Tất cả lãnh binh chinh thảo, riêng Đại tướng quân đợi chiếu chỉ tuyển dụng” (24). Theo lệnh của Minh Thế Tông, bộ Hộ tính toán lương thảo, bộ Binh vạch kế hoạch tiến quân. Hàm ninh hầu Cừ Loan được phong chức Tổng binh quan, Mao Bá Ôn làm Tham tán quân vụ, chuẩn bị cho kế hoạch xuất chinh vào Đại Việt.

Kế hoạch của Minh Thế Tông năm 1537 ngay lập tức nhận được sự ủng hộ của bộ Binh, bộ Lễ, của các quan đại thần như Hạ

Ngôn, Nghiêm Tung, Trương Toàn và nhất là Lâm Hy Nguyên... Nhưng cũng ngay sau đó, thêm nhiều ý kiến phản đối xuất chinh từ các quan chức khác. Tháng 4 năm Gia Tĩnh 16 (1537), Binh bộ Tả thị lang Phan Trân dâng sớ chỉ ra mối họa của người Mông Cổ ở phương Bắc nên không thể cử binh vào Đại Việt. Minh Thế Tông không những không nghe Phan Trân mà còn cất chức của ông. “Hoàng thượng giáng chỉ trách là không rành sự thể, có những lời mê hoặc nhân tâm. Bị lột chức và thôi việc” (25). Cháu Phan Trân là Phan Đán giữ chức Đề đốc Lương Quảng quân vụ Binh bộ Tả thị lang cũng phản đối kế hoạch xuất chinh Đại Việt của Minh Thế Tông (26). Kết quả là Phan Đán bị Lễ bộ Thượng thư Nghiêm Tung và Binh bộ Thượng thư Trương Toàn hặc tâu làm mất đi chủ trương “hưng diệt kế tuyệt” to lớn của Minh Thế Tông nên bị điều về Nam Kinh.

Tuy nhiên, một tháng sau đó, Minh Thế Tông lại quyết định tạm hoãn kế hoạch xuất chinh sang Đại Việt, mặc dù Mao Bá Ôn đã về đến Bắc Kinh đợi lệnh dẫn quân vào Đại Việt (27). Lý do của sự tạm hoãn này là Vũ định hầu Quách Huân, một quan chức cấp cao của bộ Binh, người ủng hộ chủ trương xuất quân vào Đại Việt đã thay đổi thái độ. “Việc binh nhưng lại là chức vụ của thân (chỉ Quách Huân-TVL), ít nhiều có chút tri thức há nữ yên lặng”. Quách Huân chỉ ra rằng quan quân ở vệ sở Lương Quảng và Vân Nam chỉ đủ để phòng thủ. Nếu muốn xuất quân thì phải điều động ở Quảng Tây, Tứ Xuyên, Hồ Quảng, Vân Quý. Mà bốn địa phương này cách xa ngàn dặm, không thể đủ để trưng tập (28). Ngày 4 tháng 4 năm Gia Tĩnh 16 (1537) Đề đốc phủ Lương Quảng là Thái Kinh kê khai lực lượng ở Lương Quảng có 96.390 người, trong số đó lưu lại 17.610 người để phòng bị nên số quân trực tiếp có thể điều động được là 78.780 người. So với yêu cầu là 300.000 quân thì còn thiếu rất nhiều.

Lương của các quan, binh gồm 706.000 thạch gạo, cùng với việc thuê phu và khao thưởng gồm 737.000 lạng bạc (29). Theo tính toán của Thái Kinh, với lực lượng viễn chinh là 30 vạn, trong một năm sẽ tiêu tốn 162 vạn thạch gạo, 73 vạn lạng bạc. Con số này sẽ tiếp tục tăng nếu thời gian can thiệp quân sự của nhà Minh kéo dài. Số liệu này cũng khiến Minh Thế Tông băn khoăn nên ý định xuất chinh Đại Việt phải tạm hoãn (30).

Đến tháng 8 năm 1537, ý định can thiệp vào Đại Việt lại trở dậy trong Minh Thế Tông. Nguyên do là Vân Nam Tuần phủ Đô ngự sử Ôn Văn Thịnh bắt được gián điệp và bài *Đại cáo* của Mạc Đăng Dung. Ôn Văn Thịnh thuộc phe chủ chiến nên ngay lập tức đã báo lên triều đình, đồng thời dâng bức địa đồ các hướng tiến quân mà Vũ Văn Uyên - người ủng hộ triều Lê đã giao nộp cho quan chức nhà Minh. Ôn Văn Thịnh báo cáo rằng Vũ Văn Uyên có hàng vạn quân, sẵn sàng hưởng ứng khi quân Minh tiến vào Đại Việt để cùng tiêu trừ Mạc Đăng Dung (31). Tri châu Khâm châu Lâm Hy Nguyên - người tích cực nhất trong vấn đề can thiệp vào Đại Việt mạnh mẽ ủng hộ ý kiến của Ôn Văn Thịnh.

Từ tháng 8 năm 1537, nguy cơ chiến tranh can thiệp của nhà Minh vào Đại Việt ngày càng lớn. Tuy nhiên, tiếng nói phản ứng trong nội bộ nhà Minh cũng không vì thế mà giảm sút.

Trước hết là bộ Binh. Theo phân tích của Trịnh Vĩnh Thường thì Thượng thư bộ Binh Trương Toàn - thuộc phe chủ chiến, phụ trách việc binh cho cuộc chiến can thiệp vào Đại Việt đến lúc này cũng ngã sang chủ trương không can thiệp vào Đại Việt (32). Các quan địa phương giáp với lãnh thổ Đại Việt cũng kiên quyết phản đối kế sách can thiệp vào Đại Việt. Tuần án Quảng Đông Ngự sử Dư Quang vì phản đối bị cất lương 1 năm (33). Tháng 3 năm Gia

Tĩnh 17 (1538), Kiềm quốc công Mộc Triều Phụ “dâng biểu văn xin tha cho Phương Doanh, cho làm phiên thân; không được gây hấn với Lê Ninh và Vũ Văn Uyên, trả lại đất ở biên giới đã xâm lấn trước kia” (34). Đồng thời, Tuần phủ Vân Nam Đô ngự sử Ôn Văn Thịnh cũng thay đổi thái độ. Trước sức ép về việc huy động quân lực cũng như ngân sách, việc các ý kiến phản đối can thiệp quân sự ngày càng mạnh mẽ không chỉ trong phe chủ trương không can thiệp mà ngay cả những người thuộc phái can thiệp cũng thay đổi ý kiến. Sự mâu thuẫn trong chủ trương buộc Minh Thế Tông phải cân nhắc. Tuy nhiên, để làm thay đổi toàn bộ quan điểm của Minh Thế Tông cần có một động thái tích cực hơn từ phía Đại Việt. Đối sách của Mạc Đăng Dung nói riêng cũng như nhà Mạc nói chung và thái độ của Lê Trang Tông sẽ quyết định điều này.

5. Sách lược của Lê Trang Tông và Mạc Đăng Dung

Xét trong mối quan hệ sách phong - triều cống/thiên triều - chư hầu thì nhà Lê đã nhận được sự công nhận của nhà Minh. Sau sự kiện Mạc Đăng Dung lên ngôi vua thì tôn thất và cựu thần của nhà Lê tứ tán khắp nơi rồi dần dần tập hợp lực lượng quanh Lê Trang Tông, Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm... tạo thành lực lượng đối trọng với triều Mạc. Tuy nhiên, do phải tập trung thời gian để củng cố lực lượng, đến ngày 3 tháng 2 năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), Lê Trang Tông mới cử sứ bộ Trịnh Duy Liêu gồm 10 người sang báo cáo tình hình rối loạn ở Đại Việt (35). Sứ bộ Trịnh Duy Liêu góp thêm một nhân tố ảnh hưởng đến quyết định can thiệp quân sự của Minh Thế Tông vào Đại Việt.

Tuy nhiên, đến năm 1538, quan điểm của Minh Thế Tông về Đại Việt đã thay đổi nên khả năng ủng hộ của Minh Thế Tông đối với Lê Trang Tông không còn. Vì vậy,

thái độ của Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc sẽ quyết định quan điểm của Minh Thế Tông.

Từ năm 1524, nhất là từ năm 1536 trở đi, Mạc Đăng Dung biết rõ kế sách can thiệp quân sự vào Đại Việt của nhà Minh. Để tranh thủ tiếng nói của phái không can thiệp, Mạc Đăng Dung, sau đó là Mạc Đăng Doanh liên tục biếu tặng quan chức nhà Minh. Năm 1526, Mạc Đăng Dung biếu tặng cho Khâm châu Phán quan Đường Thanh “nghìn vàng, ngà voi, sừng tê, kỳ nam, trầm hương, các thứ hương liệu” để cầu phong cho Lê Xuân, che giấu việc muốn mượn danh hiệu thiên triều để tự được vững chắc (36). *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng cho biết “họ Mạc... đem nhiều vàng bạc lấy lòng” quan chức nhà Minh ở biên giới nên những người được cất cử sang do thám tình hình Đại Việt đều “mật tâu là con cháu họ Lê đã hết, không ai nối ngôi được đã ủy thác cho họ Mạc. Người trong nước đều tôn phục và theo về họ Mạc cả, xin tha tội cho họ” (37). Năm 1535, Mạc Đăng Dung cử sứ bộ sang Trung Quốc. Quảng Tây Tả giang phân thủ Tham nghị Hà ái vì nhận biểu văn cầu phong của Mạc Đăng Dung mà bị bãi chức (38). Lê Quý Đôn trong *Đại Việt thông sử* cũng chép tương tự: “Đăng Dung do sợ nhà Minh hỏi tội, bèn sai sứ thần sang Yên Kinh dâng biểu... Người Minh không tin, bèn mật sai người sang thăm dò tin tức, gạn hỏi căn do. Đăng Dung cùng bọn bày tâu thường bày đặt lời lẽ để đối đáp, lại dùng vàng bạc lấy lòng những viên tướng nhà Minh giữ biên thùy để nhờ họ che chở”. Tương tự, vào năm 1538, nhà Mạc đã đối đãi hậu hĩnh cho các quan 3 ty thuộc Lương Quảng và các tướng hiệu dưới quyền họ, các quan trấn thủ châu Khâm, châu Liêm. Các viên này hứa sẽ chuyển tâu về triều đình xin tha cho. Thậm chí Trương Nhạc - người rất ủng hộ không can thiệp vào nội tình Đại

Việt và sắp đặt việc quân Minh không phải xuất chinh mà Đại Việt phải dâng biểu xin hàng cũng nhận hối lộ của nhà Mạc (39).

Bên cạnh đó, nhận thấy thái độ của Minh Thế Tông quyết tâm can thiệp vào Đại Việt, Mạc Đăng Dung không thể chủ quan. Việc đầu tiên là Mạc Đăng Dung tiểu trừ thế lực ủng hộ Lê Trang Tông của Vũ Văn Uyên lúc này đang chiếm cứ Đại Đồng, Tuyên Quang. Sau đó Mạc Đăng Dung cử 3 vạn quân tấn công Lê Trang Tông, buộc Lê Trang Tông phải rút chạy về Lão Qua. Tuần phủ Vân Nam là Đô ngự sử Uông Văn Thịnh vì sợ Mạc Đăng Dung tấn công Vân Nam nên vội vàng điều 75.000 thổ binh và 500 con voi ở Lão Qua, Xa Lý và Nguyên Giang phủ để đề phòng. Đồng thời việc chuẩn bị lương thực tại Vân Nam cho quân đội Nam chinh khiến Vân Nam cũng rối loạn (40).

Một mặt phòng bị, trấn áp các lực lượng ủng hộ nhà Lê ở trong nước, một mặt Mạc Đăng Dung tích cực nắm bắt thông tin từ phía nhà Minh. Nhận thấy ý kiến ủng hộ việc không can thiệp của nhóm quan chức triều đình nhà Minh, nhất là Đề đốc Lương Quảng quân vụ Bình bộ Tả thị lang Thái Kinh, Tuần án Quảng Đông Ngự sử Dư Quang, Tri phủ Liêm châu Trương Nhạc... Mạc Đăng Dung đã kết nối với họ để dàn xếp công việc nhằm thay đổi quan điểm của Minh Thế Tông. Đồng thời, nhóm chủ trương không can thiệp trong triều đình nhà Minh cũng muốn kết nối với Mạc Đăng Dung để không có việc động binh. Mục đích của cả hai bên, đối với nhà Minh là làm sao không phải động binh, không bị mất thể diện thiên triều, đồng thời nhận được sự quy phục của Đại Việt. Đối với Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc, làm sao để nhà Minh không can thiệp quân sự vào Đại Việt, thừa nhận tính chính danh của mình là quan trọng hơn cả.

Yêu cầu của nhóm Thái Kinh, Trương Nhạc... là Mạc Đăng Dung phải đầu hàng, nộp đất, nộp địa đồ và sổ hộ tịch - một biểu hiện thần phục của chư hầu, nghe phán quyết của Minh Thế Tông. Tuy nhiên, không phải là Mạc Đăng Dung và những người kế tục sự nghiệp của ông đồng ý ngay với những yêu cầu của nhóm Thái Kinh, Trương Nhạc... Trong biểu văn của Mạc Đăng Doanh báo cáo đến Vân Nam vào năm 1538, đối với việc dâng nộp bản đồ, sổ sách, biểu văn viết: “Còn địa lý của bản quốc (tức Đại Việt-TVL), đã nói rõ ở trong *Đại Minh nhất thống chí*, không cần phải vẽ dâng” (41). Xem biểu văn, Trương Nhạc cho rằng ngữ khí của nhà Mạc “như vẫn khuất cường, chưa thực sự thua phục” (42). Nếu nhà Mạc vẫn giữ thái độ cứng rắn trong một số điểm thì không thể làm đẹp mặt Minh Thế Tông. Vì vậy, nhóm Thái Kinh, Trương Nhạc... gia tăng sức ép với Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc bằng cách thao luyện binh lính ở Khâm Châu. Lần thao duyệt này phải “lớn tiếng khuếch trương thanh thế ra ngoài, để cho ‘giặc’ (tức Mạc Đăng Dung-TVL) nghe ta dụng binh mà lúng túng” (43). Tất nhiên Mạc Đăng Dung không vì điều này mà nhún mình, thay đổi thái độ. Trong đối sách với nhà Minh, Mạc Đăng Dung biết cương biết nhu, nhưng cương đến đâu, nhu đến đâu thì lại là sách lược. Một lúc không thể chấp nhận hết yêu sách của nhà Minh. Đến tháng 2 năm Gia Tĩnh 18 (1539), triều đình nhà Minh tiếp tục nhận được biểu văn của Mạc Đăng Doanh... (44).

Đối với vấn đề cát đất bày tỏ thành ý, ngày 6 tháng 4 năm Gia Tĩnh 19 (1540), Lâm Hy Nguyên đề xuất 4 điều là “phải trả cho ta bốn động, lệnh để Lê Ninh không mất ngôi vị, lệnh để cựu thần nhà Lê như Trịnh Duy Liêu, Vũ Văn Uyên không mất chức tước và đất, tuân theo lịch chính sóc” (45). Theo số tấu của Lâm Hy Nguyên thì

khi triều Minh mới thành lập, Đại Việt nhân cơ hội xâm lấn đất Như Tích, Thoát/Thiếp Lãng của Khâm Châu (46). Đối với yêu sách phải cắt đất cho Lê Trang Tông cũng như các lực lượng của Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật; Mạc Đăng Dung kiên quyết từ chối. Ý đồ của Lâm Hy Nguyên là lợi dụng thời cơ để chia cắt Đại Việt, không muốn Đại Việt thống nhất, qua đó làm giảm sức mạnh của Đại Việt, không tạo thành mối nguy cơ với Trung Quốc. Tất nhiên Mạc Đăng Dung không chấp nhận yêu sách này. Trong các biểu văn về vấn đề này, ngữ khí của Mạc Đăng Doanh rất gay gắt.

Để gia tăng sức ép với Mạc Đăng Dung, theo lời nghị bàn của bộ Binh, vào tháng 7 (nhuận) năm Gia Tĩnh 18 (1539) Hàm ninh hầu Cừu Loan, Thượng thư bộ Binh Mao Bá Ôn đến Lương Quảng, Vân Nam điều động các xứ quan binh Hán, Thổ; chiêu dụ Thổ quan quy thuận thao luyện tụ tập binh lương, sẵn sàng cho việc chinh thảo. Sứ mệnh của Cừu Loan và Mao Bá Ôn là “nếu cha con Mạc Đăng Dung âm mưu thì tiến quân chinh phạt, chính pháp triều đình;... không có lòng dạ nào khác, thì ban hịch tức khắc rằng triều đình sẽ tha cho tội chết” (47). Việc xuất quân này là giữ thể diện cho Minh Thế Tông vì nhiều lần đã đề cập đến việc can thiệp quân sự vào Đại Việt. Nhưng xuất quân chỉ nhằm mục đích buộc Mạc Đăng Dung đầu hàng chứ thực chất không tiến quân vào lãnh địa của Đại Việt. Đội quân của Cừu Loan và Mao Bá Ôn tiến sát đến biên giới với Đại Việt tạo sức ép lên Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc. Tuy nhiên, Mao Bá Ôn sau khi đến nơi đã hợp tác chặt chẽ với Thái Kinh, Trương Nhạc, Ông Vạn Đạt là những người chủ trương không can thiệp quân sự vào Đại Việt để cùng nhau xử trí vấn đề này. Để Mạc Đăng Dung nhanh chóng quy thuận, Mao Bá Ôn ra lệnh cho Trấn Nam quan ở Bằng Tường, Quảng Tây toàn quyền được xử lý các văn

bản với họ Mạc. Đối với những người chủ trương không xuất binh chinh phạt Đại Việt, Mao Bá Ôn xin không thuyên chuyển đi nơi khác như trường hợp Ông Vạn Đạt bị điều đi Chiết Giang giữ chức Tham chính mà giữ lại Quảng Tây, điều động Trương Nhạc về Quảng Đông... Những người chủ trương can thiệp như Lâm Hy Nguyên được điều chuyển đến Phúc Kiến để chiêu mộ quân. Những thành ý đó của Mao Bá Ôn tất nhiên là Mạc Đăng Dung hiểu rõ nên ông dự kiến đến tháng 8 năm Gia Tĩnh 19 (1540) sẽ đến Trấn Nam Quan diện kiến. Hàm ninh hầu Cừu Loan giữ chức Tổng binh việc Nam chinh, biết được ý đồ của Mạc Đăng Dung nên đã phái Vương Chính, Hoàng Hạo lên đến gặp riêng Mạc Đăng Dung, đòi hối lộ 2.000 lạng vàng mới cho gặp. Ông Vạn Đạt biết được việc làm của Cừu Loan đã tấu báo lên triều đình. Minh Thế Tông quyết định triệu Cừu Loan về kinh để phòng tránh việc gây khó dễ cho Mạc Đăng Dung. Thay chỗ cho Cừu Loan là An viễn hầu Liễu Tuân - một người chủ trương để Mạc Đăng Dung hòa hảo. Tháng 10 năm Gia Tĩnh 19 (1540), Mạc Đăng Dung dẫn quan chức triều Mạc lên biên giới hội khám với Mao Bá Ôn. Theo ghi chép của *Minh thực lục*, ngày 4 tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 20 (1541), Minh Thế Tông nhận được báo cáo của Binh bộ Thượng thư Mao Bá Ôn rằng “Đăng Dung và cháu là Văn Minh và Tù trưởng là bọn Nguyễn Như Quế hơn 40 người cầm thước, đeo dây lụa quanh cổ, đi chân trần đến nơi thiết triều nghi dâng biểu...; lại khúm núm đến cửa quân dâng sổ hộ tịch, đất đai, quân số, và xin được phân xử. Việc châu Khâm tâu rằng bị chiếm đất bốn động [là Tì Lãm, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát thuộc hai đô Như Tích, Thiếp Lãng], tình nguyện đưa đất đó vào nội thuộc” (48). Nhận được sớ tấu của Mao Bá Ôn, Minh Thế Tông coi như trút bỏ được gánh nặng, đồng thời giải quyết được thể diện.

Sự kiện Mạc Đăng Dung lên biên giới hội khám với nhà Minh, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng: Mùa Đông tháng 11, Mạc Đăng Dung và cháu nội là Văn Minh cùng bề tôi là Nguyễn Như Quế, Đỗ Thế Khanh, Đặng Văn Trị, Lê Thuyên, Nguyễn Tổng, Tô Văn Tốc, Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi Trí Vỹnh... qua trấn Nam Quan. Mỗi người đều cầm thước, buộc dây lụa quanh cổ, đến mạc phủ của nhà Minh, đi chân trần khúm núm, dập đầu, quỳ gối dâng biểu xin hàng; dâng hết sổ sách đất đai, quân dân và quan chức trong nước để chờ phân xử. Nộp lại các động Tư Phù, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù thuộc châu Vĩnh Yên trấn Yên Quảng, nguyện trả về nội thuộc, lệ vào Khâm Châu. Lại xin ban cho chính sóc và ấn chương, giữ gìn cẩn thận để đợi định đoạt. Lại sai Văn Minh và Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tĩnh mang biểu xin hàng về Yên Kinh” (50). Thái độ của Mạc Đăng Dung lên hội thể mà *Đại Việt sử ký toàn thư* chép tương tự như *Minh thực lục*, có phải là “khúm núm” không? Thực tế diễn ra không phải như vậy. Giang Nhất Quế (1484-1545) - Tri phủ phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây giữ trọng trách tổ chức nghi lễ đã ghi chép sinh động bằng hình ảnh trong *An Nam lai uy đồ sách*. Theo đó, Mạc Đăng Dung mặc dù thân phận của người buộc phải “đến mạc phủ của nhà Minh” để tham dự hội thể hàng phục, nhưng vẫn giữ được phong thái của một Thái thượng hoàng. Không hề có tư thế “đi chân trần khúm núm, dập đầu, quỳ gối dâng biểu xin hàng”, hay “cầm thước, buộc dây lụa quanh cổ” như các thư tịch và tấu biểu của Đại Việt và Đại Minh ghi chép (51).

Vấn đề cắt đất cho nhà Minh, thế kỷ XIX, Phương Đình Nguyễn Văn Siêu sau khi khảo cứu các nguồn tư liệu đã khẳng định rằng “nhà Mạc lại giả lại nhà Minh [tức Như Tích, Thiếp Lãng] là giả lại đất lán, không phải để cắt đất để dứt lốt vậy”

(52). Nguồn gốc đất đai 4 động, theo lời tâu của quan lại Khâm Châu, Quảng Đông được ghi chép trong *Minh thực lục* thì vào năm đầu Tuyên Đức (1426), dân châu Khâm là Hoàng Khoan dụ dỗ cư dân 290 hộ cùng ruộng đất hiến cho An Nam. Năm Tuyên Đức thứ 9 (1434), quan lại Khâm Châu tiếp tục tâu báo “hai đô Thiếp Lãng, Như Tích tiếp giáp với huyện Vạn Ninh, Giao Chỉ. Trước đây nhân Lê Lợi phản nghịch, bọn người trong đô là Hoàng Khoan bị cưỡng bách, trợ giúp man khấu cướp tài khoản của dân. Mới đây được ân mệnh chiêu phủ, bọn Khoan cam tâm nghe lời giặc, không tuân theo” (53). Nhà Minh nhiều lần chiêu dụ dân Thiếp Lãng, Như Tích thần phục nhà Minh nhưng không được. Vì thế, đô Thiếp Lãng, Như Tích thuộc quyền quản lý của Đại Việt cho đến năm 1542. Sau khi nhận được yêu cầu phải trả lại đất, Mạc Đăng Dung trả lời rằng “mới đây, thần [tức Mạc Đăng Dung] nghe Tri châu Khâm Châu tỉnh Quảng Đông Lâm Hy Nguyên xưng rằng các động Ti Lãm, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát thuộc hai đô Như Tích, Thiếp/Thoát Lãng là đất cũ của Khâm Châu, nếu đúng như vậy thần xin vâng lời” (54). Việc giao trả đất bốn động thuộc hai đô được thực hiện vào năm 1542, lúc này Mạc Đăng Dung đã qua đời, cháu là Mạc Phúc Hải kế vị. Ngày 10 tháng 11 năm Gia Tĩnh thứ 21 (1542), việc giao trả bốn động được báo cáo lên vua. Đồng thời, Mạc Phúc Hải đã sai quan Tuyên vệ ti là Nguyễn Điển Kính dâng phương vật, biểu văn, nạp cống, trả lại bốn động cho Khâm Châu.

Thế kỷ XX, nhiều nghiên cứu đã tiếp tục bổ sung các luận điểm nhằm làm sáng rõ hơn vấn đề hội thể của nhà Mạc với nhà Minh năm 1540 là hành động “thần phục giả vờ, độc lập thật sự”, đồng thời không có việc Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc cắt đất cho nhà Minh. GS.Trần Quốc

Vượng khẳng định rằng: “Chính sử nhà Minh cũng phải nhận rằng Mạc Đăng Dung chỉ “dâng” những tên đất không chú dẫu có đất thực hoặc là đất cốn của Trung Quốc rồi chú dẫu phải là đất Việt mới cất sang” (55). Thậm chí, nghiên cứu gần đây của Đinh Khắc Thuân khẳng định: “là nhà Minh đã lấy lại bốn động này trước khi diễn ra sự dẫu hàng trên của nhà Mạc”, và “Mạc Đăng Dung chưa hề cất đất cho nhà Minh, nhưng ông phải bó tay và buộc phải chấp nhận sự kiện các động trưởng của bốn động ở sát biên giới Đông Bắc trở lại với nhà Minh” (56). Nhiều nghiên cứu gần đây cũng chia sẻ quan điểm này... (57).

Trở lại vấn đề Minh Thế Tông, sau khi nhận được báo cáo của Binh bộ Thượng thư Mao Bá Ôn ngày 4 tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 20 (1541) đã trút bỏ được gánh nặng, đồng thời giải quyết được thể diện. Sau đó, theo lời nghị bàn, Minh Thế Tông quyết định: “Giáng nước An Nam làm An Nam Đô thống sứ ty, cho Mạc Đăng Dung làm An Nam Đô thống sứ tòng Nhị phẩm, con cháu thế tập, được cấp ấn bạc”. Rất nhanh chóng, ngày 22 tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 20 (1541), nhà Minh cho đúc ấn ty Đô thống sứ An Nam ban cho Mạc Đăng Dung (58).

Việc công nhận tính chính thống của Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc, đồng nghĩa triều Minh phải giải quyết tiếp vấn đề Lê Trang Tông. Căn cứ vào báo cáo của Mao Bá Ôn “Lê Ninh kia tự xưng là dòng dõi nhà Lê, nhưng phổ hệ không rõ ràng, không có gì để kê cứu” (59), Minh Thế Tông quyết định “Lệnh Thủ thần khám hỏi về việc Lê Ninh, nếu là con cháu họ Lê thì cấp cho bốn quận đang chiếm giữ để nối dõi, nếu không thì bị truất (60). Như vậy, vấn đề họ Lê cũng được giải quyết. Thái độ cuối cùng của nhà Minh đối với nội tình Đại Việt là thừa nhận sự tồn tại của cả hai chính quyền họ Lê và họ Mạc.

6. Kết luận

Đối với Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc, trong nhân quan chính trị của nhà Minh là không được thừa nhận. Đồng thời, sự kiện nhà Mạc thay thế nhà Lê đã tạo ra cái cớ để nhà Minh có thể phát động một cuộc chiến tranh. Nếu chiến tranh xảy ra, Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc là đối tượng bị trấn áp đầu tiên của nhà Minh.

Tuy nhiên, việc có can thiệp quân sự hay không vào Đại Việt cũng là vấn đề nghị sự quan trọng trong nội bộ chính quyền nhà Minh. Ban đầu, phái chủ trương can thiệp hầu hết là quan chức cấp cao do muốn xây dựng hình ảnh vua Minh Thế Tông là bậc hùng tài đại lược nên đã hết sức ủng hộ. Bản thân vua Minh Thế Tông cũng muốn mình là người có tài năng mở cõi. Minh Thế Tông khẳng định “cuộc thảo phạt An Nam do trẫm quyết đoán, tuy vậy vẫn có những người sợ hãi, tìm cách chê trách phản đối; nên được lệnh điều tra xem thực sự nên đánh hay chiêu phủ (61). Đồng thời, cơ hội trấn áp Đại Việt sẽ gia tăng thanh thế của triều Minh trước các lực lượng chống đối ở phương Bắc, nhất là người Mông Cổ. Tuy nhiên, ban đầu, một nhóm nhỏ quan chức rõ ràng có cái nhìn thực tế hơn đã chủ động dâng biểu đề nghị không can thiệp vào nội tình Đại Việt. Theo thời gian, việc huy động quân đội, vũ khí, lương thực càng bộc lộ rõ khả năng của nhà Minh. Đồng thời, những người trực tiếp được giao nhiệm vụ dẫn quân Nam chinh - đứng trước nhiệm vụ khó khăn này đã tìm mọi cách dàn xếp để làm sao đạt được mục đích không phải xuất quân mà có thể chiêu tập được Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc. Dù sự dẫu hàng này chỉ có tính hình thức.

Đối với Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc, từ thế bị coi là thù địch, là đối tượng phải tiêu diệt của nhà Minh trở thành được công nhận là một thành công. Để đạt được

sự công nhận của nhà Minh, Mạc Đăng Dung và những người kế tục ông đã triệt để khai thác những bất đồng trong nội bộ quan chức nhà Minh, cả ở cấp trung ương và địa phương. Quá trình nắm bắt, kết nối này dẫn đến kết quả Mạc Đăng Dung nhận được sự ủng hộ của giới chức nhà Minh vốn không đồng ý với việc can thiệp quân sự vào Đại Việt. Đổi lại, bằng hình thức, Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc phải bày tỏ thành ý. Thành ý đó là dâng nộp bản đồ, sổ sách quân dân; cắt trả lại nhà Minh những vùng đất mà Đại Việt đã lấn chiếm của nhà Minh trước đây; bản thân Mạc Đăng Dung phải lên biên giới để hội kiến với Mao Bá Ôn. Cũng cần phải nói thêm rằng, việc Mạc

Đăng Dung dẫn đầu phái bộ lên biên giới không đóng vai trò là vua Đại Việt, vì lúc này cháu ông là Mạc Phúc Hải mới là vua của Đại Việt. Vì vậy, nó càng mang ý nghĩa tượng trưng nhiều hơn.

Bằng những hoạt động như vậy, cuối cùng Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc tránh được cuộc chiến tranh chinh phạt của nhà Minh. Nhà Minh cũng tránh được việc phải huy động một lực lượng quân sự lớn với nguồn ngân sách khổng lồ cho cuộc chiến tranh. Được sự công nhận của nhà Minh, trực tiếp là Minh Thế Tông, Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc có điều kiện tập trung vào việc củng cố cũng như tập trung binh lực cho cuộc chiến với họ Lê-Trịnh vào nửa sau thế kỷ XVI.

CHÚ THÍCH

(1), (37), (51). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.65, 70, 71, 111-112, 121.

(2). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, tập 2, MaiHaBook & Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2022, tr.204.

(3). *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, tập 3, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr.173. Chính Đức là niên hiệu của vua Minh Vũ Tông Chu Hậu Chiếu (1491-1521) làm vua từ năm 1505 đến năm 1521, sử dụng một niên hiệu là Chính Đức. Tháng 4 năm 1521, vua Minh Vũ Tông băng hà, Chu Hậu Thông lên nối ngôi là vua Minh Thế Tông, đặt niên hiệu là Gia Tĩnh. Theo nguyên tắc “du niên cải nguyên”, niên hiệu Chính Đức của vua Vũ Tông tiếp tục được sử dụng đến hết năm 1521 nên mặc dù vua Thế Tông lên ngôi từ tháng 5 năm 1521 nhưng vẫn sử dụng niên hiệu Chính Đức của vua Vũ Tông. Phải đến năm sau, năm 1522 vua Thế Tông mới sử dụng niên hiệu mới của mình là Gia Tĩnh.

(4). *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII* (2010), sdd, tập 3, tr.175-177. Trong quá trình thu thập thông tin về Đại Việt, không ít chi tiết vua Minh nhận được là thông tin sai, ví dụ như thông tin Trần Cảo giết vua Lê Tương Dực...

(5). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tập 2, tr.204. Theo báo cáo của Lễ bộ Thượng thư Hạ Ngôn thì từ năm 1515 đến năm 1536, Đại Việt không cử sứ bộ sang triều cống. Tuy nhiên, theo

ghi chép của sử liệu Việt Nam thì Mạc Đăng Dung nhiều lần phải hối lộ quan chức nhà Minh lấy cố sang Đại Việt để tìm hiểu về con cháu nhà Lê nên nhiều khả năng không có chuyện Mạc Đăng Dung không cử sứ đoàn sang Trung Quốc. *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết năm 1528 sứ bộ Nguyễn Văn Thái đến biên giới nhưng bị ngăn chặn không sang Trung Quốc được... Rất có thể sứ bộ nhà Mạc bị quan chức nhà Minh ở biên giới ngăn cản, không cho sang Bắc Kinh. Theo lời tâu của Nam Kinh Hộ bộ Tả thị lang Đường Trụ thì An Nam “tuy loạn nhưng vẫn luôn luôn phụng biểu tấu cùng phương vật, đến cửa quan xin vào cống. Nhưng các bề tôi trấn thủ cho rằng tên họ không đúng nên từ chối. Thế là nước ấy (chỉ Đại Việt-TV) muốn cống mà không được, chứ chẳng phải là cố ý không triều cống vậy”. *An Nam truyện: Ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, 2021, tr.115.

(6). Vấn đề này tham khảo thêm Nguyễn Thị Kiều Trang, *Về quan hệ sách phong - triều cống Minh - Đại Việt*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.

(7), (33), (34), (35) *Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII* (2010), sdd, tập 3, tr.182, 200-201, 203, 187-188.

(8). Các quan điểm, lý giải cũng như thái độ và ngôn từ của quan chức nhà Minh thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá của họ về lịch sử Việt Nam, về nhà Lê, nhà Mạc, Mạc Đăng Dung... không phải là quan điểm của chúng tôi.

(9), (10), (12), (14), (28), (29), (41). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tập 2, tr.207, 208, 209, 210, 242, 272, 296.

(11), (23). Trịnh Vĩnh Thường, *Chinh chiến và từ bỏ: nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr.310, 299.

(13). Trong lịch sử, họ Vũ chiếm cứ Đại Đồng, Tuyên Quang chống cự với nhà Mạc. Sau khi nhà Lê trung hưng đã ban cho họ Vũ tước công và được thế tập ở Tuyên Quang. Dân gian gọi họ Vũ là chúa Bầu.

(15). Kiến nghị của Lâm Hy Nguyên xem Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tập 2, tr.265-268.

(16). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tập 2, tr.233. *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVI*, sdd, tập 3, tr.184-187.

(17), (18), (19), (20), (21), (22). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tập 2, tr.229-237, 240, 239, 241, 269, 271.

(24). *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sdd, tập 3, tr.188-189. Ngày Canh Thân, hai bộ Lễ và Binh hội họp đình thần bàn về việc chinh thảo An Nam tuyên bố rằng Mạc Đăng Dung có 10 tội, không thể khoan dung mà không đánh.

(25), (26), (27). *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sdd, tập 3, tr.191, 192, 193-196.

(30), (32), (42), (43). Trịnh Vĩnh Thường, *Chinh chiến và từ bỏ: nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*, sdd, tr.307, 309, 316, 317.

(31). *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sdd, tr.199, 200. Trịnh Vĩnh Thường, *Chinh chiến và từ bỏ: nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*, sdd, tr.308.

(36). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tr.422, 423; Trịnh Vĩnh Thường, *Chinh chiến và từ bỏ: nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*, sdd, tr.294.

(38). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tập 1, tr.423, 424; Trịnh Vĩnh Thường, *Chinh chiến và từ bỏ: nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*, sdd, tr.295.

(39). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.267, 272, 278.

(40). Lý Văn Phượng, *Việt kiều thư*, sdd, tập 1, tr.425; Trịnh Vĩnh Thường, *Chinh chiến và từ bỏ: nghiên cứu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh*, sdd, tr.311. Những nguyên nhân này đã dẫn

đến sự thay đổi quan điểm của Uông Văn Thịnh từ chủ chiến sang chủ hòa.

(44), (45), (47), (48), (49). *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sdd, tập 3, tr.207, 208, 211, 210, 214, 218.

(46). Vấn đề này xem thêm Đinh Khắc Thuân, *Góp phần nghiên cứu lịch sử triều Mạc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.56-60.

(51). (Minh) Lương Thiên Tích, *An Nam lai uy đồ sách*, 2 tập, Nxb. Văn vật, Bắc Kinh, 2022. Đặng Hồng Sơn đã phân tích sơ bộ về Giang Nhất Quế, tác phẩm *An Nam lai uy đồ sách* và sự kiện Mạc Đăng Dung hội thề với nhà Minh. Xem thêm: Đặng Hồng Sơn, *Một góc nhìn về sự kiện Mạc Đăng Dung hội thề với triều Minh qua tư liệu An Nam lai uy đồ sách*, in trong *Vương triều Mạc trong tiến trình lịch sử Việt Nam* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia), Hải Phòng, 12-2023, tr.99-110.

(52). Nguyễn [Văn] Siêu, *Phương Đình dư địa chí*, Tự do xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr.237, 238.

(53). *Minh thực lục*, v.21, tr.2591-2592, Tuyên Tông, Q.115, tờ 8a-8b. dẫn theo Hồ Bạch Thảo, *Đất Trung Quốc giáp biên giới Việt Nam qua các đời*, Quyển Thượng, tác giả tự xuất bản, Mỹ, 2012, tr.67, 65.

(54). *Minh thực lục*, v.82, tr.4966-4973, Thế Tông, Q.248, tờ 1b-5a. dẫn theo Hồ Bạch Thảo, *Đất Trung Quốc giáp biên giới Việt Nam qua các đời*, Quyển Thượng, sdd, tr.70.

(55). Xem: Trần Quốc Vượng, *Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm trong bối cảnh văn hóa Việt Nam thế kỷ XVI*, in trong: *Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm*, Hội đồng Lịch sử Hải Phòng & Viện Văn học Việt Nam, Hải Phòng, 2001, tr.37.

(56), (57). Đinh Khắc Thuân, *Góp phần nghiên cứu lịch sử triều Mạc ở Việt Nam*, sdd, tr.59, 60; Trần Thị Vinh, *Nhà Mạc và thời đại nhà Mạc: hơn hai mươi năm nghiên cứu & nhận thức*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016; Phan Đăng Thuận, *Qua sự kiện năm 1540 bàn thêm về mối quan hệ bang giao giữa nhà Mạc với nhà Minh (Trung Quốc)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (482), 2016, tr.11-18.

(58), (59), (60), (61). *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sdd, tập 3, tr.215, 218-219.